

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương
Codupha**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300483319 ngày 15 tháng 1 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Sơn Ông Lê Xuân Hải Ông Lê Văn Minh Ông Nguyễn Đức Thắng Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Bùi Hữu Hiền Ông Trương Xuân Liên Bà Đinh Thị Khởi Ông Lê Văn Minh Ông Lê Xuân Hải	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Bà Ngô Thị Bích Thảo Ông Trương Chí Thiện Ông Nguyễn Văn Khái	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký	Lầu 2,3,4,5,6 Tòa nhà 509 – 515 Tô Hiến Thành Phường 14, Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-02-169-SX-R



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.733.193.467.077	1.796.906.673.442
Tiền	110	8	53.204.132.077	95.668.497.187
Tiền	111		53.204.132.077	95.668.497.187
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		988.632.484.567	1.036.545.228.231
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	937.612.437.237	931.785.636.472
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.466.274.663	19.194.911.113
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	38.975.895.169	87.038.126.656
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.422.122.502)	(1.473.446.010)
Hàng tồn kho	140	13	671.350.710.877	648.976.967.318
Hàng tồn kho	141		673.118.317.468	650.131.408.288
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.767.606.591)	(1.154.440.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.006.139.556	15.715.980.706
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	3.834.965.981	3.801.483.064
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.219.532.896	11.741.630.851
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(a)	951.640.679	172.866.791
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		243.002.756.749	228.738.322.720
Tài sản cố định	220		179.567.458.736	102.431.161.559
Tài sản cố định hữu hình	221	14	121.679.656.418	43.604.663.385
Nguyên giá	222		196.819.269.561	113.835.475.443
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.139.613.143)	(70.230.812.058)
Tài sản cố định vô hình	227	15	57.887.802.318	58.826.498.174
Nguyên giá	228		60.237.524.915	60.237.524.915
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.349.722.597)	(1.411.026.741)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.156.559.571	82.113.715.372
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	16.156.559.571	82.113.715.372
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	42.898.301.299	42.881.566.676
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		3.495.073.671	3.478.339.048
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.403.227.628	39.403.227.628
Tài sản dài hạn khác	260		4.380.437.143	1.311.879.113
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	4.380.437.143	1.311.879.113
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.976.196.223.826	2.025.644.996.162

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	1.765.606.805.907	1.821.330.854.369
Nợ ngắn hạn	310	1.709.684.412.764	1.762.808.461.226
Phải trả người bán ngắn hạn	311 18	942.506.568.662	1.007.943.881.187
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	36.238.254.734	24.901.795.100
Thuế phải nộp Nhà nước	313 19(b)	784.609.257	6.387.644.137
Phải trả người lao động	314	1.157.010.657	10.734.111.017
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.002.607.651	1.222.967.716
Phải trả ngắn hạn khác	319 20(a)	42.014.349.313	52.300.073.709
Vay ngắn hạn	320 21(a)	685.981.012.490	655.928.966.211
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 22	-	3.389.022.149
Nợ dài hạn	330	55.922.393.143	58.522.393.143
Phải trả dài hạn khác	337 20(b)	12.922.393.143	12.922.393.143
Vay dài hạn	338 21(b)	43.000.000.000	45.600.000.000
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400	210.589.417.919	204.314.141.793
Vốn chủ sở hữu	410 23	210.589.417.919	204.314.141.793
Vốn cổ phần	411 24	182.700.000.000	182.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	182.700.000.000	182.700.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	213.830.524	213.830.524
Cổ phiếu quỹ	415	(298.960.000)	(298.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.467.988.997	5.475.989.514
Quỹ đầu tư phát triển	418 25	9.071.115.794	4.406.245.906
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.913.951.591	10.305.077.950
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối kỳ trước	421a	168.088.062	(394.367.053)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b	11.745.863.529	10.699.445.003
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	1.521.491.013	1.511.957.899
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.976.196.223.826	2.025.644.996.162

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:


 Chu Thị Bích Hồng
 Kế toán tổng hợp


 Nguyễn Văn Tuất
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	1.537.604.334.812	1.739.470.370.573
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	11.281.055.699	10.182.337.838
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	1.526.323.279.113	1.729.288.032.735
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		1.434.786.911.480	1.616.618.736.664
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		91.536.367.633	112.669.296.071
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	16.278.056.017	4.641.162.410
Chi phí tài chính	22	30	22.665.211.276	23.477.217.146
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.812.794.138	18.779.221.014
Phần lãi trong công ty liên kết	24		16.734.623	-
Chi phí bán hàng	25	31	55.665.417.748	54.462.579.924
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	16.315.753.117	25.047.310.312
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		13.184.776.132	14.323.351.099
Thu nhập khác	31	33	561.927.952	2.704.787.791
Chi phí khác	32	34	266.207.765	700.881.527
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		295.720.187	2.003.906.264
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.480.496.319	16.327.257.363
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.724.561.754	3.422.470.867
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)	60		11.755.934.565	12.904.786.496

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang từ trang trước)	60		11.755.934.565	12.904.786.496
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		11.745.863.529	12.904.786.496
Cổ đông không kiểm soát	62		10.071.036	-
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	644	707

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Chu Thị Bích Hồng
 Kế toán tổng hợp



Nguyễn Văn Tuất
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
			Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	13.480.496.319	16.327.257.363
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	6.225.244.502	6.180.211.065
Các khoản dự phòng	03	567.863.027	590.759.727
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	827.072.374	852.445.342
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.660.299.763)	(904.281.082)
Chi phí lãi vay	06	18.812.794.138	18.779.221.014
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	34.253.170.597	41.825.613.429
Biến động các khoản phải thu	09	49.409.940.526	(209.241.764.530)
Biến động hàng tồn kho	10	(22.992.930.094)	(29.882.887.427)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(80.242.484.889)	281.199.661.409
Biến động chi phí trả trước	12	(3.102.040.947)	(602.693.073)
		(22.674.344.807)	83.297.929.808
Tiền lãi vay đã trả	14	(19.033.154.203)	(19.233.643.851)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.722.872.442)	(3.471.320.990)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.389.022.149)	(2.465.686.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(51.819.393.601)	58.127.278.220
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(18.137.192.099)	(18.133.138.439)
Tiền thu mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	58.081.818	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	54.307.647	3.507.510.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.024.802.634)	(14.625.628.391)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chưa soát xét

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(94.889.500)
Tiền thu từ đi vay	33	961.999.331.500	873.614.703.860
Tiền trả nợ gốc vay	34	(934.547.285.221)	(923.388.255.420)
Tiền trả cổ tức	36	(73.150.000)	(8.972.359.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	27.378.896.279	(58.840.800.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(42.465.299.956)	(15.339.150.331)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	95.668.497.187	78.548.631.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	934.846	210.892.927
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	53.204.132.077	63.420.373.966

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Chu Thị Bích Hồng
 Kế toán tổng hợp



Nguyễn Văn Tuất
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Hữu Hiền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha tiền thân là Công ty Dược phẩm Trung ương 2 trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 theo Quyết định số 046/QĐ-TCTD ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Tổng Công ty Dược Việt Nam.

Sau đó, Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 thành công ty cổ phần, Quyết định số 7090/QĐ-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 2 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300483319 ngày 2 tháng 1 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con và các lợi ích của Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty và công ty con là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	30/6/2018 và 1/1/2018	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty TNHH Dược phẩm Codupha - Lào	Viêng Chăn - Lào	93,7%	93,7%
Công ty liên kết			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	30%	30%

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty như sau:

Tên	Địa chỉ
▪ Chi nhánh Hà Nội	Số 16, Ô C2/NO, Khu Nam Trung Yên, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
▪ Chi nhánh Hải Phòng	Số 142, Đường Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
▪ Chi nhánh Vinh	Số 182, Đường Thăng Long, Xóm 14, Xã Nghi Kim, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
▪ Chi nhánh Miền Trung	Số 120, Đường Lý Thái Tông, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
▪ Chi nhánh Tây Nguyên	Số 74/20, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
▪ Chi nhánh Cần Thơ	Số 132A, Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty và công ty con có 556 nhân viên (1/1/2018: 555 nhân viên).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Đơn vị tiền tệ kế toán của công ty con là Kíp Lào.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác:

- phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được định giá được các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt khi Công ty chuyển đổi thành công ty cổ phần. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.
- phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp thực tế đích danh và bao gồm chi phí mua và tất cả các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến và các điều chỉnh do xác định lại giá trị tài sản khi cổ phần hóa Công ty được các bên hữu quan phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị và dụng cụ quản lý	5 – 12 năm
▪ tài sản cố định khác	4 năm

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 30 đến 50 năm đối với quyền sử dụng đất có thời hạn. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty và công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty và công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con chỉ hoạt động tại Việt Nam và Lào, trong đó kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận hoạt động tại Lào không trọng yếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty và công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

8. Tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	5.468.511.648	4.422.897.660
Tiền gửi ngân hàng	47.735.620.429	91.245.599.527
	<hr/>	<hr/>
	53.204.132.077	95.668.497.187

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2018				1/1/2018						
	Thuyết minh	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:											
Công ty liên kết											
• Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	(i)	30%	30%	3.495.073.671	-	(*)	30,00%	30,00%	3.478.339.048	-	(*)
Đơn vị khác											
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương	(ii)	5,86%	Không có	29.000.000.000	-	(*)	5,86%	Không có	29.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang		17,20%	17,20%	472.484.723	-	(*)	17,20%	17,20%	472.484.723	-	(*)
• Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Việt Nam		5,26%	5,26%	9.930.742.905	-	(*)	5,26%	5,26%	9.930.742.905	-	(*)
				39.403.227.628	-				39.403.227.628	-	
				42.898.301.299	-				42.881.566.676	-	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc của chúng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	3.478.339.048	3.478.339.048
Phần lợi nhuận được chia trong kỳ	16.734.623	-
Số dư cuối kỳ	3.495.073.671	3.478.339.048

- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (“Đông Dương”) phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 cùng các phụ lục số 1 và phụ lục số 2 giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm và Công ty TNHH Đầu tư Phú Trí.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty nắm giữ 2.900.000 cổ phần ưu đãi đặc biệt loại A của Đông Dương (tương đương 5,86% tỷ lệ vốn góp, không có quyền biểu quyết và Công ty được nhận trước một khoản lợi nhuận cố định là 32,5 tỷ VND, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Đông Dương trong quá trình thực hiện dự án. Khoản lợi nhuận cố định này đang được ghi nhận trên chi tiêu Phải trả ngắn hạn khác - *Thuyết minh 20(a)*). Khoản đầu tư này đang được thế chấp cho khoản vay dài hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm - *Thuyết minh 21(b)(ii)*.

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- (a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bệnh viện Chợ Rẫy	67.393.811.599	65.549.865.646
Bệnh viện Bạch Mai	66.126.193.840	40.898.401.170
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Toàn Hà	25.337.994.757	31.536.360.895
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp	13.226.677.721	23.316.657.059
Bệnh viện Trung ương Huế	26.935.250.390	28.256.822.721
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bách niên	15.585.358.192	25.414.868.210
Các khách hàng khác	723.007.150.738	716.812.660.771
	937.612.437.237	931.785.636.472

Tại ngày báo cáo, quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và toàn bộ khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu là 110.000 triệu VND (1/1/2018: 100.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 21(a)(i) và (ii)*.

- (b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	75.685.372	107.629.975
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	108.539.934	-
Công ty Cổ phần dược Danapha	11.550.000	-

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	18.159.342.120	47.343.418.938
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	9.625.094.564	8.013.570.013
Ký cược, ký quỹ	2.908.389.461	10.315.024.015
Tạm ứng	1.044.701.204	642.224.732
Phải thu lãi trả chậm	892.767.206	423.299.744
Phải thu khác	6.345.600.614	20.300.589.214
	38.975.895.169	87.038.126.656



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2018			1/1/2018			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn							
▪ Công ty Cổ phần Khoa học & Công nghệ Sự Sống	Trên 5 năm	250.832.638	250.832.638	-	250.832.638	250.832.638	-
▪ Công ty Cổ phần Hóa Dược Cường Thịnh	Trên 5 năm	484.337.872	484.337.872	-	494.337.872	494.337.872	-
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Kỳ Phương	Trên 5 năm	324.129.424	324.129.424	-	324.129.424	324.129.424	-
▪ Công ty Cổ phần Bệnh viện Phụ sản Vương Tròn	Trên 3 năm	152.222.700	152.222.700	-	152.222.700	152.222.700	-
▪ Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Phúc An Khang	Trên 1 năm	96.421.520	-	96.421.520	137.745.028	41.323.508	96.421.520
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Bệnh viện Mê Kông	Trên 2 năm	177.380.416	177.380.416	-	177.380.416	177.380.416	-
▪ Căn Thơ	Trên 1 năm	110.731.507	33.219.452	77.512.055	110.731.507	33.219.452	77.512.055
▪ Nhà thuốc Linh Châu							
		1.596.056.077	1.422.122.502	173.933.575	1.647.379.585	1.473.446.010	173.933.575
Trong đó:							
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi – ngắn hạn			1.422.122.502			1.473.446.010	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	35.123.205.419	-	55.889.030.625	-
Nguyên vật liệu	21.915.440.757	-	21.334.441.950	-
Công cụ và dụng cụ	6.133.880.455	-	6.532.910.837	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.614.183.307	-	8.608.493.326	-
Thành phẩm	12.087.815.063	-	11.078.040.146	-
Hàng hóa	588.243.792.467	(1.767.606.591)	546.688.491.40 4	(1.154.440.970)
	673.118.317.468	(1.767.606.591)	650.131.408.28 8	(1.154.440.970)

Tại ngày báo cáo, hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 373.000 triệu VND (1/1/2018: 353.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 21(a)(i), (ii) và (iv)*.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 1.768 triệu VND (1/1/2018: 1.154 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển khó tiêu thụ.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	1.154.440.970	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	619.186.535	590.759.727
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(6.020.914)	-
Số dư cuối kỳ	1.767.606.591	590.759.727

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	29.802.073.099	37.280.269.011	31.591.334.105	3.992.510.802	11.169.288.426	113.835.475.443
Tăng trong kỳ	-	96.757.920	100.000.000	48.500.000	39.590.100	284.848.020
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	65.377.228.568	15.640.441.512	2.100.770.910	-	-	83.118.440.990
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(12.938.241)	(8.919.312)	(387.200.000)	-	(8.111.382)	(387.200.000)
Số dư cuối kỳ	95.166.363.426	53.008.549.131	33.402.579.058	4.041.010.802	11.200.767.144	196.819.269.561
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	20.474.232.974	17.661.563.961	21.360.999.164	2.903.624.554	7.830.391.405	70.230.812.058
Khấu hao trong kỳ	1.874.100.725	1.625.814.430	1.568.198.681	143.336.402	75.098.408	5.286.548.646
Thanh lý	-	-	(351.706.675)	-	-	(351.706.675)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(10.112.007)	(8.446.469)	(1.797.871)	-	(5.684.539)	(26.040.886)
Số dư cuối kỳ	22.338.221.692	19.278.931.922	22.575.693.299	3.046.960.956	7.899.805.274	75.139.613.143
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	9.327.840.125	19.618.705.050	10.230.334.941	1.088.886.248	3.338.897.021	43.604.663.385
Số dư cuối kỳ	72.828.141.734	33.729.617.209	10.826.885.759	994.049.846	3.300.961.870	121.679.656.418

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 6.522 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 328 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 80.519 triệu VND (1/1/2018: 0 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 21(b)(i)*.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	57.836.625.834	2.400.899.081	60.237.524.915
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	819.870.567	591.156.174	1.411.026.741
Khấu hao trong kỳ	868.270.856	70.425.000	938.695.856
Số dư cuối kỳ	1.688.141.423	661.581.174	2.349.722.597
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	57.016.755.267	1.809.742.907	58.826.498.174
Số dư cuối kỳ	56.148.484.411	1.739.317.907	57.887.802.318

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 591 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 591 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 46.367 triệu VND (1/1/2018: 47.143 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 21(b)(i)*.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	82.113.715.372	2.222.362.000
Tăng trong kỳ	17.161.285.189	17.003.676.048
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(83.118.440.990)	14.228.928.743
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(463.866.918)
Giảm khác trong kỳ	-	(155.188.677)
Số dư cuối kỳ	16.156.559.571	32.835.911.196

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Xây dựng kho - Lê Minh Xuân	1.039.087.574	74.033.166.236
Xây dựng kho - Đà Nẵng	14.406.886.997	6.640.879.136
Khác	710.585.000	1.439.670.000
	16.156.559.571	82.113.715.372

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, không có công trình xây dựng cơ bản dở dang nào (1/1/2018: 74.033 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - *Thuyết minh 21(b)(i)*.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.694.531.981	2.833.884.116
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	140.434.000	967.598.948
	<hr/>	<hr/>
	3.834.965.981	3.801.483.064
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND		VND
Số dư đầu kỳ	1.311.879.113	-	-	1.311.879.113
Tăng trong kỳ	-	1.134.090.910	2.279.711.578	3.413.802.488
Phân bổ trong kỳ	(22.683.786)	(42.046.000)	(280.514.672)	(345.244.458)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.289.195.327	1.092.044.910	1.999.196.906	4.380.437.143
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam	104.184.678.907	104.184.678.907	74.934.077.057	65.732.093.589
JW Pharmaceutical Corporation	24.185.116.758	24.185.116.758	65.732.093.589	17.131.809
Các nhà cung cấp khác	814.136.772.997	814.136.772.997	867.277.710.541	942.194.655.789
	942.506.568.662	942.506.568.662	1.007.943.881.187	1.007.943.881.187

(b) Phải trả của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	28.212.927.618	28.212.927.618	7.972.221.297	7.972.221.297
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	2.341.162.576	2.341.162.576	1.702.863.034	1.702.863.034
Công ty Cổ phần Dược Danapha	4.641.000	4.641.000	556.780.021	556.780.021
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	184.194.090	184.194.090	396.973.378	396.973.378
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	108.089.400	108.089.400	345.763.656	345.763.656

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã trả trong kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số được hoàn, giảm trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	172.866.791	-	(172.866.791)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	929.399.187	-	-	929.399.187
Thuế khác	-	22.241.492	-	-	22.241.492
	172.866.791	951.640.679	(172.866.791)	-	951.640.679

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số được hoàn, giảm trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.068.911.501	1.724.561.754	(5.793.473.255)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	324.577.548	846.894.882	(631.874.357)	-	539.598.073
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.319.130.853	(1.319.130.853)	-	-
Thuế giá trị gia tăng	-	107.539.123.724	(28.922.055.308)	(78.372.057.232)	245.011.184
Thuế khác	1.994.155.088	84.783.120	(2.078.938.208)	-	-
	6.387.644.137	111.514.494.333	(38.745.471.981)	(78.372.057.232)	784.609.257

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

		30/6/2018	1/1/2018
		VND	VND
Cổ tức nhận trước chờ phân bổ	(i)	16.250.007.667	21.666.676.667
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		7.087.232.540	21.161.779.842
Hỗ trợ tiền thuê nhà		5.606.250.000	6.468.750.000
Cổ tức phải trả		7.296.160.000	1.897.190.000
Kinh phí công đoàn		881.744.223	94.646.592
Nhận ủy thác nhập khẩu		3.006.168.168	728.685.078
Các khoản phải trả khác		1.886.786.715	282.345.530
		42.014.349.313	52.300.073.709

- (i) Cổ tức nhận trước đối với Cổ phiếu ưu đãi loại A (Thuyết minh 9) sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

(b) Phải trả dài hạn khác

		30/6/2018	1/1/2018
		VND	VND
Hỗ trợ di dời nhận được		12.922.393.143	12.922.393.143
		12.922.393.143	12.922.393.143

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	650.728.966.211	650.728.966.211	961.999.331.500	(931.947.285.221)	680.781.012.490	680.781.012.490
Vay dài hạn đến hạn trả	5.200.000.000	5.200.000.000	2.600.000.000	(2.600.000.000)	5.200.000.000	5.200.000.000
	655.928.966.211	655.928.966.211	964.599.331.500	(934.547.285.221)	685.981.012.490	685.981.012.490

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	3,5% - 5,5%	292.424.080.158	278.147.778.698
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VND	5,0% - 5,6%	160.145.233.000	199.511.154.590
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	VND	5,5%	50.783.346.597	54.784.306.771
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	VND	5,5%	55.301.854.475	50.732.695.923
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch I	VND	5,5% - 5,6%	63.320.572.787	33.298.561.160
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	VND	5,2%	29.364.301.988	-
Vay cán bộ công nhân viên	VND	6%	10.083.691.961	14.098.842.882
Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt	VND	9,0%	10.499.216.792	10.314.756.925
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	VND	9,5%	8.858.714.732	9.840.869.262
			680.781.012.490	650.728.966.211

(i)

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo như sau:

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền tài sản của Công ty trị giá 257.000 triệu VND (1/1/2018: 257.000 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 13.171002/HĐTC ngày 19/8/2013 và các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.

Một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 203.000 triệu VND theo hợp đồng thế chấp số 13.171001/HĐTC ngày 19/8/2013 và các hợp đồng đảm bảo được xác lập sau thời điểm ký kết hợp đồng này có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ đảm bảo bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này.

- (ii) Tài sản đảm bảo chung cho mọi nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn như sau:

- Hàng tồn kho luân chuyển do Công ty tự quản lý với giá trị tối thiểu là 150.000 triệu VND (1/1/2018: 150.000 triệu VND) (Thuyết minh 13);
- Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty và toàn bộ khách hàng của Công ty với giá trị tối thiểu là 100.000 triệu VND (1/1/2018: 100.000 triệu VND) (Thuyết minh 10).

- (iii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

- (iv) Tài sản đảm bảo chung cho mọi nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn như sau:

- Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị là 20.000 triệu VND và duy trì tối thiểu tại mọi thời điểm (1/1/2018: không);
- Quyền đòi nợ phát sinh từ các các khoản phải thu/quyền đòi nợ luân chuyển trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên thế chấp phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế/Hợp đồng mua bán hoặc các Hợp đồng khác và tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi, khoản tiền bảo hiểm, bảo lãnh với giá trị là 10.000 triệu VND và duy trì tại mọi thời điểm (1/1/2018: không).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	45.600.000.000	50.800.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.600.000.000)	(5.200.000.000)
	43.000.000.000	45.600.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	8,3%	2021	16.600.000.000	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm (ii)	VND	0%	2019	29.000.000.000	29.000.000.000
				45.600.000.000	50.800.000.000

Các khoản vay được đảm bảo như sau:

- (i) Biện pháp đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Kho Lê Minh Xuân (“Dự án”) - *Thuyết minh 14*;
 - Công trình xây dựng gắn liền với đất và các động sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án;
 - Toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ Dự án.
- (ii) Khoản vay này được bảo đảm bằng số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương - *Thuyết minh 9*.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	3.389.022.149	2.465.686.747
Sử dụng trong kỳ	(3.389.022.149)	(2.465.686.747)
Số dư cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	182.700.000.000	163.439.351	(137.360.000)	5.398.761.724	4.406.245.906	(394.367.053)	1.502.564.352	193.639.284.280
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	14.113.969.412	-	14.113.969.412
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(94.889.500)	-	-	-	-	(94.889.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Biến động khác	-	-	-	224.434.699	-	-	23.363.337	247.798.036
Số dư tại ngày 30/6/2017 (chưa soát xét)	182.700.000.000	215.257.201	(232.249.500)	5.623.196.423	4.406.245.906	13.719.602.359	152.592.7689	207.957.980.078
Số dư tại ngày 1/1/2018	182.700.000.000	213.830.524	(298.960.000)	5.475.989.514	4.406.245.906	10.305.077.950	1.511.957.899	204.314.141.793
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	11.745.863.529	10.071.036	11.755.934.565
Trích lập quỹ	-	-	-	-	4.664.869.888	(4.664.869.888)	-	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	(5.472.120.000)	-	(5.472.120.000)
Biến động khác	-	-	-	(8.000.517)	-	-	(537.922)	(8.538.439)
Số dư tại ngày 30/6/2018	182.700.000.000	213.830.524	(298.960.000)	5.467.988.997	9.071.115.794	11.913.951.591	1.521.491.013	210.589.417.919

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	18.270.000	182.700.000.000	18.270.000	182.700.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	182.700.000.000	18.270.000	182.700.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	29.000	290.000.000	29.000	290.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	18.241.000	182.410.000.000	18.241.000	182.410.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Các cổ đông của Công ty:

	30/6/2018		1/1/2018	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần (“CTCP”)	121.225.000.000	66%	121.225.000.000	66%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	42.269.500.000	23%	42.269.500.000	23%
Các cổ đông khác	19.205.500.000	11%	19.205.500.000	11%
	182.700.000.000	100%	182.700.000.000	100%

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2018		30/6/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	18.270.000	182.700.000.000	18.256.400	182.562.640.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(9.400)	(94.889.500)
Số dư cuối kỳ	18.270.000	182.700.000.000	18.247.000	182.467.750.500

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 27 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 5.472 triệu VND, tương đương 3% của lợi nhuận thuần năm 2017 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: không).

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.630.582.500	8.447.912.000
Trong vòng hai đến năm năm	28.523.247.500	28.596.870.000
	<hr/>	<hr/>
	34.153.830.000	37.044.782.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	343.290	8.276.294.648	1.987	45.196.926
EUR	106.666	2.837.394.012	672	18.733.289
THB	14.963	10.705.865	1.631.802	1.166.738.465
LAK	641.621.326	1.732.377.581	386.299.101	1.043.769.523
		<hr/>		<hr/>
		12.856.772.106		2.274.438.203
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.527.776.843.525	1.730.734.007.085
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.827.491.287	8.736.363.488
	<hr/>	<hr/>
	1.537.604.334.812	1.739.470.370.573
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	8.624.560.752	9.170.030.215
▪ Hàng bán bị trả lại	205.197.530	1.012.307.623
▪ Giảm giá hàng bán	2.451.297.417	-
	<hr/>	<hr/>
	11.281.055.699	10.182.337.838
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.526.323.279.113	1.729.288.032.735

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.073.965.798	1.752.706.601
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	4.124.422.077	1.629.157.888
Lãi tiền gửi ngân hàng	54.307.647	749.330.582
Chiết khấu được hưởng	4.458.691.495	355.016.839
Cổ tức được chia	5.566.669.000	154.950.500
	<hr/>	<hr/>
	16.278.056.017	4.641.162.410

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	18.812.794.138	18.779.221.014
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.852.417.138	4.697.996.132
	<hr/>	<hr/>
	22.665.211.276	23.477.217.146

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	28.613.599.256	26.120.798.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.558.703.674	10.536.673.926
Chi phí khấu hao	5.080.978.432	4.692.721.784
Chi phí vật liệu, bao bì	1.573.337.483	1.694.636.920
Chi phí khác	10.838.798.903	11.417.748.456
	<hr/>	<hr/>
	55.665.417.748	54.462.579.924

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	2.791.000.000	2.828.000.000
Chi phí khấu hao	328.119.641	368.967.501
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.217.409	185.366.515
Thuê, phí và lệ phí	159.659.290	8.894.914.071
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(51.323.508)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.958.984.378	6.800.152.353
Chi phí khác	3.917.095.907	5.969.909.872
	<hr/>	<hr/>
	16.315.753.117	25.047.310.312

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Tiền bồi thường	268.200.327	2.428.315.425
Thanh lý tài sản	22.588.493	-
Thu nhập khác	271.139.132	276.472.366
	<hr/>	<hr/>
	561.927.952	2.704.787.791

34. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Phạt vi phạm hành chính	96.200.000	85.910.000
Chi phí khác	170.007.765	614.971.527
	<hr/>	<hr/>
	266.207.765	700.881.527

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.435.821.758.08	1.616.618.736.66
Chi phí nhân viên	0	4
Chi phí khấu hao	31.404.599.256	28.948.798.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.225.244.502	6.180.211.065
Chi phí khác	20.462.902.234	18.256.257.652
	12.853.578.273	26.124.622.681

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
	Chưa soát xét	
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	1.597.620.413	3.422.470.867
Kỳ trước	126.941.341	-
	<hr/>	<hr/>
	1.724.561.754	3.422.470.867
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
	Chưa soát xét	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.480.496.319	16.327.257.363
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.696.099.264	3.265.451.473
Chi phí không được khấu trừ thuế	18.200.000	173.229.442
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác của công ty con	(3.345.051)	14.780.052
Thu nhập được miễn thuế	(1.113.333.800)	(30.990.100)
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu kỳ trước	126.941.341	-
	<hr/>	<hr/>
	1.724.561.754	3.422.470.867
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại Lào.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	11.745.863.529	12.904.786.496

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	18.241.000	18.270.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Công ty mua trong kỳ	-	(9.400)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6	18.241.000	18.247.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND Chưa soát xét
Cổ đông		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre		
Mua hàng hóa	557.167.350	591.752.850
Bán hàng hóa	22.602.870	17.341.712
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam		
Mua hàng hóa	66.394.366.151	39.287.540.315
Bán hàng hóa	-	83.459.091
Thu nhập khác	221.547.051	149.243.636
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược Danapha		
Bán hàng hóa	407.000.000	-
Mua hàng hóa	70.048.752	3.506.251.500
Công ty Cổ phần Dược Và Dịch vụ Thương mại		
Tuyên Quang		
Bán hàng hóa	233.547.993	333.133.143
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1		
Mua hàng hóa	6.447.246.793	7.477.800
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3		
Mua hàng hóa	697.678.831	-
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao		
	615.000.000	600.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao		
	240.000.000	234.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng		
	1.690.000.000	1.710.000.000

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)


Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Chu Thị Bích Hồng
Kế toán tổng hợp


Nguyễn Văn Tuất
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

